

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **41/2021/HN-ST**

Ngày: 10/12/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Khoa

2. Bà Nguyễn Thị Thọ

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 264/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980, hộ khẩu thường trú: Khu phố T, phường Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Khu phố S, phường Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú: Khu phố T, phường Đ, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Khu chung cư thu nhập thấp, phường T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2021, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2003 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, thành phố Ninh

Bình, tỉnh Ninh Bình; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Duy B, sinh ngày 04/6/2005 và Nguyễn Duy Nhật M, sinh ngày 11/6/2013.

Do khác biệt về suy nghĩ, cách sống nên vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên to tiếng, cãi vã với nhau. Việc này đã làm ảnh hưởng sâu sắc đến tình cảm của hai vợ chồng, rạn nứt trong hôn nhân. Tuy nhiên, vì con chung còn nhỏ dại nên hai bên đã cố gắng chịu đựng nhiều năm. Thời gian gần đây, bà đã chuyển về Ninh Bình sống vì không muốn các con phải chứng kiến cảnh bất hòa giữa hai bố mẹ cũng như sợ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của con trẻ. Vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay đã được 06 (sáu) tháng. Nhận thấy không thể tiếp tục cuộc hôn nhân và ly hôn là giải pháp tốt nhất cho cả hai vợ chồng nên bà quyết định nộp đơn xin ly hôn tại Tòa.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

Về con chung: Bà P xác định bà và ông D có hai con chung như trên. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy Nhật M, nhường quyền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Duy B cho ông D; hai bên không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai đề ngày 02/11/2021, quá trình làm việc tại Tòa, ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông xác định ông và bà Nguyễn Thị P bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2003. Khi về chung sống có đăng ký kết hôn cùng năm tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung, hay cãi vã. Ông bà cũng đã có động thái hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà P đã chuyển về quê ở Ninh Bình sống được nửa năm nhưng thực tế, vợ chồng đã ly thân được một năm. Do đó, đối với yêu cầu ly hôn của bà P, ông D đồng ý.

Về con chung: Ông D xác định ông và bà P có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Duy B, sinh ngày 04/6/2005 và Nguyễn Duy Nhật M, sinh ngày 11/6/2013. Ông đồng ý để bà P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật M, ông trực tiếp nuôi cháu Duy B, hai bên không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai ngày 02/11/2021 của cháu Nguyễn Duy B: Cháu B xác định có bố tên Nguyễn Văn D, mẹ tên Nguyễn Thị P. Cháu biết hiện nay bố mẹ đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa. Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với bố vì bố chăm sóc cháu tốt hơn.

Bản tự khai của cháu Nguyễn Duy Nhật M: Cháu M trình bày bố tên Nguyễn Văn D, mẹ tên Nguyễn Thị P. Cháu đồng ý ở với mẹ.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ngày 21/9/2021, bà Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Văn D; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy các đương sự vắng mặt nhưng và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt và có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt nguyên bị đơn theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn D chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2003 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 21, quyển số 05 do UBND phường Thanh Bình, tỉnh Ninh Bình cấp; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà P và ông D đều xác nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Mặc dù ông bà đã cố gắng chịu đựng vì con chung, từng tìm cách hàn gắn khắc phục nhưng không có kết quả, ngược lại tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Để tránh việc vợ chồng lục đục ảnh hưởng đến con trẻ, ông bà đã thử ly thân một thời gian. Theo đó, bà P chuyển về quê ở Ninh Bình sinh sống, vợ chồng mỗi người một nơi. Thời gian xa cách đã giúp ông bà có điều kiện nhìn nhận lại tình cảm của bản thân và tất cả các vấn đề

trong cuộc hôn nhân của mình. Nay bà P và ông D đều tự nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà P yêu cầu ly hôn, ông D nhất trí ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mời các bên đến làm việc để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng và tạo điều kiện để hòa giải cho vợ chồng ông bà theo hướng đoàn tụ nhưng không được. Bà P và ông D thống nhất đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải thêm mà giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Từ đó xác định mâu thuẫn giữa bà P và ông D là có thật, không thể hàn gắn và khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông D là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà P và ông D xác định vợ chồng ông bà có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Duy B, sinh ngày 04/6/2005 và Nguyễn Duy Nhật M, sinh ngày 11/6/2013. Cháu Nhật Minh hiện đang ở với mẹ, cháu Duy Bình hiện đang sống cùng bố. Theo sự thống nhất của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của các cháu Bình, Minh cũng như tình hình cư trú, học tập thực tế của các cháu, giao cháu Nguyễn Duy Nhật M cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Duy B cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng; ông D, bà P không cấp dưỡng cho con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà P phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Duy B, sinh ngày 04/6/2005 và Nguyễn Duy Nhật M, sinh ngày 11/6/2013. Giao cháu Nguyễn Duy Nhật M cho bà Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Duy B cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng; ông D, bà P không cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004048 ngày 29/10/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà P đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND Phường Thanh Bình,
- Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thị Thanh Tâm